

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÀ PHÊ GIA LAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 23 /CV - FGL

Gia Lai, ngày 08 tháng 04 năm 2020



"Công bố thông tin về Báo cáo  
Thường niên năm 2019"

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN  
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước  
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

36. Tên Công ty: Công ty cổ phần Cà phê Gia Lai  
37. Mã chứng khoán: FGL  
38. Địa chỉ trụ sở chính: 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, Phường Thống Nhất, TP Pleiku, Tỉnh Gia Lai.  
39. Điện thoại: 026 3875259 FAX; 0269 3822847  
40. Người thực hiện công bố thông tin: Bà Hoa Thị Lan Hương- NV Phòng Tổ chức- Hành chính- Nhân sự  
41. Loại thông tin:

Định kỳ  24h  Bất Thường  Theo yêu cầu  Khác

42. Nội dung công bố thông tin:

- Công ty cổ phần cà phê Gia Lai xin công bố thông tin: Báo cáo thường niên năm 2019.

Thông tin này đã được công bố trên website của Công ty ngày 08/04/2020 tại địa chỉ: <http://gialaicoffee.com.vn/quanhecodong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Các TV HĐQT, BKS;
- Công bố website;
- Lưu VT

**NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CBTT**

**Hoa Thị Lan Hương**

CÔNG TY CỔ PHẦN  
CÀ PHÊ GIA LAI

Số: 13 /BCTN - FGL

"V/v báo cáo thường niên năm 2019"

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
ĐỘC LẬP – TỰ DO – HẠNH PHÚC

Gia lai, ngày 08 tháng 04 năm 2020

**Kính gửi:** Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước  
Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

## I. Thông tin chung

### 1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN CÀ PHÊ GIA LAI
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 5900189678
- Vốn điều lệ: 146.763.000.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 146.763.000.000 đồng
- Địa chỉ: Số 97 Phạm Văn Đồng/Yết Kiêu, Phường Thống Nhất, TP Pleiku, Tỉnh Gia lai, Việt Nam
- Số điện thoại: 02693 824654
- Số fax: 02693 822847
- Website: gialaicoffee.com.vn
- Mã cổ phiếu: FGL

### Quá trình hình thành và phát triển:

- + Công ty Cổ Phần Cà phê Gia Lai được chuyển đổi từ công ty TNHH MTV Cà Phê Gia Lai là tiền thân Công ty Cà phê trực thuộc Ủy ban nhân dân Tỉnh Gia Lai – Kon Tum được thành lập theo quyết định số 40/QĐ – UB – TC ngày 24/10/1985;
- + Ngày 22/12/1992 đổi tên thành công ty Cà phê Gia Lai tại quyết định số 75/QĐ – UB – TLL của UBND Tỉnh;
- + Ngày 13/8/2010, Quyết định số 548/QĐ-UBND của Ủy Ban nhân dân Tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt Đề án chuyển đổi Công ty Cà Phê Gia Lai thành Công ty TNHH MTV Cà Phê Gia Lai và điều lệ tổ chức hoạt động Công ty. Công ty đã được Nhà nước, Chính Phủ, các Bộ ban ngành và các tổ chức chính trị ghi nhận, khen tặng nhiều danh hiệu và các giải thưởng.
- + Ngày 13/9/2018 Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai đã được đăng ký kinh doanh và chính thức hoạt động.
- + Ngày 14/9/2018 là ngày giao dịch đầu tiên của Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cà Phê Gia Lai trên thị trường Upcom tại Sở giao dịch chứng khoán Hà nội với số lượng chứng khoán đăng ký giao dịch là 6.481.323 cổ phiếu ( Cổ phiếu trúng đấu giá), giá trị chứng khoán đăng ký giao dịch là 64.813.230.000 đồng;

+ Ngày 19/11/2018 Trung tâm lưu ký Chứng khoán Việt Nam nhận lưu ký số lượng cổ phiếu bổ sung 8.194.977 cổ phiếu (Cổ phiếu các đối tượng khác), giá trị cổ phiếu đăng ký bổ sung 81.949.770.000 đồng:

+ Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký là: 14.676.300 cổ phiếu

+ Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký là: 146.763.000.000 đồng.

+ Ngày 30/11/2018 Công ty cổ phần Cà Phê Gia Lai trở thành Công ty Đại chúng.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Ngành nghề kinh doanh:

stt	Các ngành nghề	Mã ngành
1	Trồng cây gia vị, cây dược liệu, cây hương liệu lâu năm	0128
2	Trồng cây hàng năm khác	0119
3	Trồng cây Hồ tiêu	0124
4	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống - Chi tiết: mua bán hàng nông sản (từ mùn cao su)	4620
5	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu - Chi tiết: Buôn bán phân bón sử dụng trong nông nghiệp	4669
6	Bán mô tô, xe máy	4541
7	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
8	Chăn nuôi khác - Chi tiết: Nuôi ong và sản xuất mật ong	0149
9	Trồng cây cao su	0125
10	Trồng cây cà phê (chính)	0126
11	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu: - Chi tiết: Rang lọc cà phê, sản xuất các sản phẩm Cà phê	1079
12	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu: - Chi tiết: Xuất nhập khẩu các loại cây giống, hạt giống, hàng nông sản các loại	8299
13	Hoạt động dịch vụ sau thu hoạch	0163

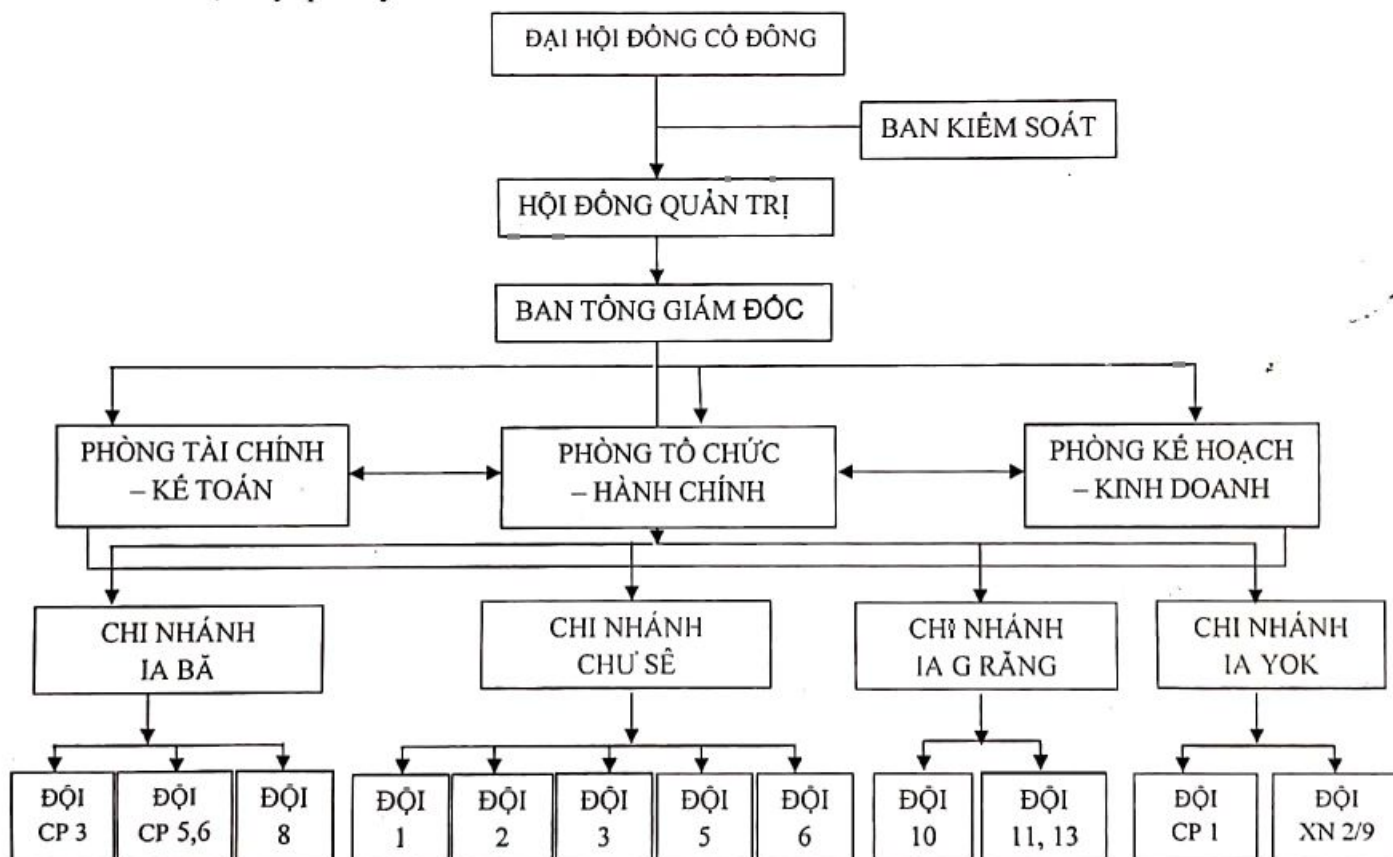
	- Chi tiết: Chế biến nông sản các loại	
14	Chăn nuôi Trâu, bò và sản xuất giống trâu, bò	0141

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:

- Mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Ban kiểm soát, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, giúp việc cho Tổng giám đốc là các trưởng phòng chức năng và các trưởng chi nhánh đơn vị sản xuất.

Công ty Cổ phần Cà Phê Gia Lai hoạt động theo mô hình quản trị của Công ty cổ phần, được chuyển đổi từ công ty nhà nước sang công ty cổ phần tư nhân 100%

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



+ Đại hội đồng cổ đông: là cơ quan có quyền lực cao nhất Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu hoặc bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát ....

+ Hội đồng quản trị: là cơ quan đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền của Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.

Hội đồng quản trị gồm 5 thành viên:

- |                          |                            |
|--------------------------|----------------------------|
| 1. Ông Trịnh Đình Trường | Chủ tịch hội đồng quản trị |
| 2. Ông Trịnh Quang Hưng  | Thành viên                 |

- |                         |                                       |
|-------------------------|---------------------------------------|
| 3. Bà Nguyễn Thị Phương | Thành viên (miễn nhiệm 11/12/2019)    |
| 4. Ông Phạm Khắc Tuấn   | Thành viên (miễn nhiệm 19/02/2019)    |
| 5. Ông Phạm Văn Cường   | Thành viên                            |
| 6. Ông Trịnh Văn Công   | Thành viên (Bổ nhiệm ngày 11/04/2019) |

+ Ban kiểm soát: Do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

Ban kiểm soát gồm 3 thành viên:

- |                             |                                  |
|-----------------------------|----------------------------------|
| 1. Bà Tôn Nữ Thị Thu        | Trưởng Ban (Từ nhiệm 10/12/2019) |
| 2. Bà Dương Thùy Phương Lan | Thành viên (Từ nhiệm 10/12/2019) |
| 3. Bà Lê Thị Vinh           | Thành viên                       |

+ Ban Tổng Giám đốc: gồm Tổng giám đốc và Phó Tổng Giám đốc

\* Tổng giám đốc là người đại diện pháp luật của công ty do Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm. Điều hành mọi hoạt động sản xuất kinh doanh và công việc khác thuộc thẩm quyền của Công ty.

\* Phó Tổng giám đốc là người giúp việc cho Tổng giám đốc có quyền điều hành và tổ chức công ty khi Tổng giám đốc đi vắng.

Cơ cấu Ban tổng giám đốc gồm:

- |                         |  |
|-------------------------|--|
| 1. Ông Trịnh Quang Hưng | Tổng Giám đốc                                  |
| 2. Ông Phạm Văn Cường   | Phó Tổng giám đốc (Bổ nhiệm 13/01/2020)        |
| 3. Bà Nguyễn Thị Phương | Phó Tổng giám đốc (miễn nhiệm ngày 11/12/2019) |

+ Kế toán trưởng: Do hội đồng quản trị bổ nhiệm, chịu trách nhiệm về tài chính kế toán của công ty

- |                        |                |
|------------------------|----------------|
| 1. Ông Nguyễn Văn Quán | Kế toán trưởng |
|------------------------|----------------|

+ Các phòng ban chức năng và các đơn vị trực thuộc

\* Phòng tổ chức hành chính: Giúp ban lãnh đạo công ty thực hiện các thủ tục hành chính, theo dõi nhân sự, các chế độ chính sách cho người lao động, tiền lương và các công việc khác liên quan.

\* Phòng tài chính – kế toán: Thực hiện đầy đủ chế độ kế toán, tài chính theo đúng quy định của pháp luật, đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

\* Phòng Kế hoạch – kinh doanh: Lập và theo dõi kế hoạch sản xuất kinh doanh, xây dựng định mức kỹ thuật và phương án khoán lao động.

Lập kế hoạch cung ứng vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu nhằm đáp ứng kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Cập nhật báo cáo tiến độ các dự án đầu tư đúng quy định.

\* Các chi nhánh gồm 4 chi nhánh:

+ Chi nhánh Chư sê có 5 đội sản xuất (đội 1, 2, 3, 5, 6)

- + Chi nhánh Ia Yok có 2 đội sản xuất (Đội Chư pãh 1, Xí nghiệp 2/9)
- + Chi nhánh Ia Bả có 3 đội sản xuất (Đội Chư pãh 3, Chư pãh 5,6, Đội 8)
- + Chi nhánh Ia Grăng có 3 đội sản xuất (Đội 9, 10 và đội 11)

Các chi nhánh có chức năng giúp Tổng giám đốc trong điều hành, tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng giám đốc.

#### 4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

+ Thường xuyên kiểm tra Ban điều hành trong việc thực hiện các quy chế, quy định nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Điều lệ công ty và quy định của Pháp luật.

+ Chỉ đạo Ban điều hành tập trung cao độ, kiên quyết hơn, bám sát hơn trong việc quản lý sản xuất, quản lý tài chính, quản lý lao động. Tìm mọi biện pháp để không ngừng nâng cao năng suất lao động, đầu tư khoa học công nghệ, nâng cao năng lực đội ngũ làm công tác quản lý, nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ, công nhân.

+ Nâng cao hiệu lực quản lý Doanh nghiệp nhằm mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận để đảm bảo lợi ích của Công ty, Nhà nước và cổ đông.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

+ Tiếp tục duy trì ổn định và phát triển sản xuất các vườn cây còn tiềm năng,

+ Đa dạng hóa cây trồng ngắn ngày và khai thác các ngành nghề kinh doanh khác để đảm bảo thu nhập cho dân sinh trên địa bàn công ty sản xuất.

#### 5. Các rủi ro

+ Rủi ro về kinh tế: Trong bối cảnh kinh tế phục hồi còn chậm, nền kinh tế bị Việt Nam vẫn chịu ảnh hưởng lớn từ nền kinh tế thế giới và sẽ gặp phải không ít khó khăn. Dịch bệnh COVID – 19 ảnh hưởng rất lớn tới tình hình kinh tế hiện nay. Cây cà phê là cây công nghiệp và nằm trong lĩnh vực nông nghiệp nên các hộ dân tự phát trồng sản xuất tràn lan làm cho thị trường cạnh tranh về giá bán đầu ra không hấp dẫn, hiện nay giá cà phê bị sụt giảm nhiều. Như vậy các điều kiện khó khăn trên sẽ ảnh hưởng không nhỏ đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty.

+ Rủi ro về sản phẩm: Sản xuất cà phê mới tách vỏ thành nhân xô, chưa có nhà máy chế biến, cùng lúc có nhiều đơn vị cùng ngành cung cấp sản phẩm cùng loại đã tạo ra tính cạnh tranh cao nên đã tạo ra rủi ro về giá cả.

+ Rủi ro về sản xuất: vườn cà phê đa số là vườn cây lâu năm, xuống cấp, già cỗi, một số vườn không thể phục hồi được nên đã ảnh hưởng tới năng suất sản lượng cà phê không cao.

+ Rủi ro đầu vào: Sự rủi ro đến từ sự biến động của giá nguyên vật liệu, nhân công ... ngày càng tăng cao làm giá thành cũng tăng

Các rủi ro trên đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2019 và dự kiến sẽ tiếp tục ảnh hưởng trong năm 2020.

## II. Tình hình hoạt động trong năm.

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

TT	CHỈ TIÊU	THỰC HIỆN NĂM 2018 (cho kỳ kế toán từ 13/09/2018 đến 31/12/2018)	THỰC HIỆN NĂM 2019	GHI CHÚ
1	Doanh thu	37.410.761.905	45.519.353.424	
2	Lợi nhuận kế toán trước thuế	1.340.538.106	(21.984.321.091)	
3	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	1.340.538.106	(21.984.321.091)	

Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai bước đầu tiếp nhận đi vào hoạt động từ ngày 13/9/2018. Trong năm 2019 công ty đã gặp không ít khó khăn như:

+ Giá cà phê sụt giảm mạnh ( giao động từ 29.200 – 33.700 đồng/kg nhân xô) dẫn đến thu nhập không đủ bù đắp chi phí bỏ ra.

+ Phần lớn diện tích cà phê tiếp nhận từ Doanh nghiệp cổ phần hóa công ty TNHH MTV Cà phê Gia Lai chuyển giao sang đã già cỗi, không có sản phẩm để thu. Nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh trong tương lai. Trong năm 2019 Công ty đã tiến hành phá dỡ 1 số vườn cây cà phê già cỗi, không đảm bảo sản lượng theo yêu cầu để trồng mới cây chanh, chuối dẫn đến chi phí phá dỡ lớn làm tăng lỗ trong năm 2019.

Hiện nay công tác bàn giao giữa Doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cà phê Gia Lai Và công ty cổ phần cà phê Gia Lai chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ảnh hưởng trực tiếp đến việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác quản lý điều hành của Công ty.

Ban điều hành công ty hiện nay đang tích cực làm việc với các Cơ quan ban ngành liên quan để nhanh chóng bàn giao giữa Doanh nghiệp Nhà nước và công ty Cổ phần. Đồng thời Ban điều hành cũng đang tích cực tìm đầu ra cho sản phẩm cà phê cũng như cải thiện giá bán để tháo gỡ những khó khăn bước đầu cho Công ty.

2. Tổ chức và nhân sự.

- Danh sách Ban điều hành.

Tt	Họ tên	Ngày sinh	Số CMND	Chức vụ	Ghi chú
1	Trịnh Quang Hưng	20/05/1960	164037365	TV. HĐQT, Tổng giám đốc	
2	Phạm Văn Cường	08/01/1971	1911138115	TV.HĐQT, P.Tổng giám đốc	

3	Nguyễn Thị Phương	03/01/1963	230018380	TV. HĐQT, P.Tổng giám đốc	
4	Nguyễn Văn Quân	05/06/1985	230609654	Kế toán trưởng, trưởng phòng TCKT	

**TÓM TẮT LÝ LỊCH, QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC, SỐ CỔ PHIẾU SỞ HỮU:**

**1. Ông Trịnh Quang Hưng:**

Sinh ngày 20 – 05 – 1960

Giới tính: Nam

Nơi sinh: Thanh Hóa

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hà Ngọc, Hà Trung, Thanh Hóa

Địa chỉ thường trú: Số 31 khu Hưng Thái 2, Phú Mỹ Hưng, Tân Phong, TP Hồ Chí Minh.

Số CMND: 164037365 Ngày cấp 25/08/2015 Nơi cấp: CA Ninh Bình

Điện thoại liên hệ: 0913.292.849

Trình độ văn hóa: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ thuật xây dựng

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc công ty

Quá trình công tác

THỜI GIAN	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
Năm 1984 - 1998	Cán bộ kinh doanh	Nông trường Đồng Giao, TX Tam Điệp, Tỉnh Ninh Bình
Năm 1999 - 2010	Giám đốc	Công ty TNHH Tiến Hưng
Năm 2011 - 2018	Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Đạm Ninh Bình
Năm 2019 đến nay	Tổng giám đốc	Công ty Cổ phần Cảng Đạm Ninh Bình
	Chủ tịch Hội đồng quản trị	Công ty Cổ Phần Chè Biển Hồ
	Tổng giám đốc	Công ty Cổ Phần Cà Phê Gia Lai

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty.

+ Sở hữu cá nhân: 2.377.702 cổ phần tương ứng 16,20%

+ Sở hữu đại diện: không

+ Sở hữu của người có liên quan



Tt	Họ tên	Mối quan hệ	Số lượng sở hữu	Tỷ lệ nắm giữ
1	Trịnh Quang Vinh	Con	1.538.381	10.48%

**2. Ông Phạm Văn Cường:**

Sinh ngày 08/01/1971

Giới tính: Nam

Nơi sinh: Quảng Trị

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Hải Thượng, Hải Lăng, Quảng Trị.

Địa chỉ thường trú: Kiệt 4/1 đường Phan Văn Trị, KP5, Phường 1, TP Đông Hà, Quảng Trị.

Số CMND: 1911138115

Ngày cấp 14/10/2017

Nơi cấp: CA Quảng Trị

Điện thoại liên hệ: 0942.458.707

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc công ty

Quá trình công tác

THỜI GIAN	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
Năm 1988 - 2000	NV kinh doanh	Công ty KD Thạch cao Xi măng
Năm 2001 - 2005	Chuyên viên	Phòng thị trường tiêu thụ và phòng kế hoạch đầu tư xây dựng công ty KD Thạch cao Xi măng
Năm 2006 - 2009	Phụ trách	Công ty CP Vicem Thạch cao Xi măng – Chi nhánh Đà Nẵng
Năm 2010 - 2011	P.Phòng kế hoạch	Công ty CP Vicem Thạch cao Xi măng
Năm 2012 - 2018	Phụ trách thị trường điều độ hàng hóa	Chi nhánh Quảng trị - Công ty CP Vicem Thạch cao Xi măng
Năm 2019 đến nay	TV HĐQT, Phó Tổng giám đốc	Công ty Cổ Phần Cà Phê Gia Lai
	Trưởng phòng KH	Công ty Cổ Phần Chè Biển Hồ

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty.

+ Sở hữu cá nhân: 0 cổ phần .

+ Sở hữu đại diện: không

+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

### 3. Ông Nguyễn Văn Quân

Sinh ngày 05/06/1985

Giới tính: Nam

Nơi sinh: Chư sê

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Quê quán: Vĩnh Hòa, Ninh Giang, Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Thôn An Điền, Xã Ia Blang, Huyện Chư sê, Tỉnh Gia Lai.

Số CMND: 230609654 Ngày cấp 25/04/2012 Nơi cấp: CA Gia Lai

Điện thoại liên hệ: 0987.917.168

Trình độ văn hóa: 12/12

Trình độ chuyên môn: Tài chính – Kế toán

Chức vụ đang nắm giữ tại công ty: Kế toán trưởng, Trưởng phòng kế toán tài chính công ty

Quá trình công tác

THỜI GIAN	CHỨC VỤ	ĐƠN VỊ CÔNG TÁC
Năm 2008 - 2018	Kế toán tổng hợp	Công ty TNHH MTV Cà phê Gia Lai
Năm 2019 đến nay	Kế toán trưởng	Công ty Cổ Phần Cà Phê Gia Lai

Sở hữu chứng khoán của cá nhân và người có liên quan trong công ty.

+ Sở hữu cá nhân: 147 cổ phần

+ Sở hữu đại diện: không

+ Sở hữu của người có liên quan: 0 cổ phần

- Những thay đổi trong ban điều hành trong năm 2019:

+ Ngày 19/02/2019 Ông Phạm Khắc Tuấn có quyết định miễn nhiệm theo đơn từ nhiệm.

+ Ngày 23/12/2019 Bà Nguyễn Thị Phương có quyết định miễn nhiệm theo đơn từ nhiệm.

- Số lượng cán bộ, nhân viên: Công ty có 618 người trong đó:

+ Cán bộ gián tiếp toàn công ty: 37 người

+ Lao động tại chi nhánh Ia Bã: 100 người

+ Lao động tại chi nhánh Ia Yok: 118 người

+ Lao động tại chi nhánh Ia Grăng: 121 người

+ Lao động tại chi nhánh Chư sê: 242 người

- Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động:

+ Về tiền lương, các chế độ Bảo hiểm: Công ty trả tiền lương theo đúng quy định của Công ty, các chế độ phụ cấp theo lương, chế độ đóng BHXH, BHYT, BHTN và các chế độ ốm đau, thai sản ... được thực hiện đều đặn trong năm.

+ Về đời sống CBCNV: Công ty luôn quan tâm, tạo điều kiện cho CBCNV, tổ chức hoạt động gặp gỡ giao lưu nhân ngày Phụ nữ Việt Nam, hỗ trợ khi có công nhân di nhập ngũ, Chi tiền tết Nguyên Đán, Thăm viếng ....

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.

a) Các khoản đầu tư lớn:

Trong năm 2020 công ty tiếp tục đầu tư dự án trồng chuỗi xuất khẩu Nam Mỹ với diện tích 40 ha tại Chi nhánh Chư Sê. Với bối cảnh kinh tế bị ảnh hưởng của dịch Covid-19 làm ảnh hưởng không nhỏ đến sản xuất kinh doanh của công ty. Nhưng với tinh thần nỗ lực của ban giám đốc và toàn thể người lao động trong công ty sẽ đưa Công ty vượt qua giai đoạn khó khăn và đưa công ty ngày một phát triển.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu	Từ 13/09/2018 đến 31/12/2018	Năm 2019	Ghi chú
Tổng giá trị tài sản	260.527.122.740	212.716.900.657	
Doanh thu thuần	37.410.761.905	45.519.353.424	
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	1.381.175.984	(17.534.636.279)	
Lợi nhuận khác	(40.637.878)	(4.449.684.812)	
Lợi nhuận trước thuế	1.340.538.106	(21.984.321.091)	
Lợi nhuận sau thuế	1.340.538.106	(21.984.321.091)	
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	

b) Các chỉ tiêu tài chính.

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2018	Năm 2019
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/Nợ ngắn hạn)	Lần	0.86	0.40
+ Hệ số thanh toán nhanh <u>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho</u> Nợ ngắn hạn	Lần	0.69	0.34

<b>2. Chi tiêu về cơ cấu vốn</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	43.22	40.51
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	76.11	68.09
<b>3. Chi tiêu về năng lực hoạt động</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho			
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân			
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Lần	0.14	0.21
<b>4. Chi tiêu về khả năng sinh lời</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	3.58	- 48.30
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	0.91	- 0.19
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	0.51	- 0.1
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần	%	3.69	- 38.52

**5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu**

a) Cổ phần: Số lượng cổ phần đang lưu hành: 14.676.300 cổ phần

+ Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 7.086.587 cổ phần

+ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng 3 năm của Nhà đầu tư chiến lược tại Điểm a, khoản 3 điều 6 NĐ 126/2017/NĐ – CP: 7.484.913 cổ phần.

+ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng 3 năm của Người lao động mua ưu đãi theo năm công tác tại khoản 1 điều 42 NĐ 126/2017/NĐ – CP: 104.800 cổ phần.

b) Cơ cấu cổ đông:

Cơ cấu	Số lượng cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ	Ghi chú
<b>Cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân</b>	<b>180</b>	<b>14.676.300</b>	<b>100</b>	
Cá nhân	179	7.191.387	49,00	
Tổ chức	01	7.484.913	51,00	
<b>Tỷ lệ sở hữu</b>	<b>180</b>	<b>14.676.300</b>	<b>100</b>	
Cổ đông lớn	05	13.139.501	89,53	
Cổ đông nhỏ	175	1.536.799	10,47	

Nguồn dữ liệu thống kê số lượng cổ phần được tập hợp từ danh sách cổ đông sở hữu chứng khoán công ty ( Ngày đăng ký cuối cùng 24/03/2020) do trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam cung cấp.

- c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có
- d) Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có
- e) Các chứng khoán khác: Không có

#### *6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty.*

*6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:* Vật tư chủ yếu của của cây Cà phê là phân bón và thuốc bảo vệ thực vật được nhập từng kho riêng tại các chi nhánh, cách xa khu dân cư. Công ty đã ban hành quy định sử dụng và thu gom vỏ bao bì chai lọ về nơi chứa rác thải theo sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại.

*6.2. Tiêu thụ năng lượng:* Năng lượng chủ yếu dùng trong sản xuất và sinh hoạt là điện năng

#### *6.3. Tiêu thụ nước:*

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng:

- + Nước được sử dụng là nguồn nước máy cho sinh hoạt của công ty CP cấp thoát nước Gia Lai
- + Nước sản xuất dùng của Công ty TNHH MTV Khai thác công trình Thủy lợi Gia Lai

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

#### *6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường*

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

#### *6.5. Chính sách liên quan đến người lao động*

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động:

+ Số lượng lao động gián tiếp: 37 người

+ Mức lương bình quân trong năm: 7.367.000 VNĐ

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động:

+ Quan tâm thăm hỏi động viên CBNV khi ốm đau, hiếu hi ...

+ Chế độ phụ cấp thêm cho người lao động: xăng xe, ĐT, ăn ca ...

+ Hàng quý công ty đi kiểm tra an toàn lao động tại các chi nhánh

+ Tiến hành tập huấn PCCC, ATVSLĐ tại công ty.

c) Hoạt động đào tạo người lao động: Liên tục đào tạo nguồn nhân lực để khi cần điều động CBNV nghiệp vụ hoặc lao động sản xuất luân chuyển từ bộ phận này sang bộ phận khác nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh không bị trở ngại.

#### *6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương*

+ Chi ủng hộ địa phương làm đường các xã tại các chi nhánh

+ Chi hỗ trợ khai giảng, trung thu cho các cháu ....

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

### III. Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng Giám đốc

#### 1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Trong năm 2019 hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty không đạt so với kế hoạch đề ra là do những nguyên nhân sau:

+ Giá cà phê giảm sâu trong quý 4 năm 2019 (giao động 29.200 - 32.700 đồng/kg nhân xô) dẫn đến thu nhập không đủ bù đắp chi phí bỏ ra.

+ Lỗ từ hoạt động khác: Phần lớn diện tích cà phê tiếp nhận từ Doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH MTV cà phê Gia Lai chuyển giao sang đã già cỗi, không có sản phẩm để thu. Nhằm mang lại hiệu quả kinh doanh trong tương lai, trong năm 2019 Công ty đã tiến hành phá dỡ 1 số vườn cà phê già cỗi, không đảm bảo sản lượng theo yêu cầu để trồng mới cây chanh, chuối dẫn đến chi phí phá dỡ lớn làm tăng lỗ trong năm 2019.

+ Một số yếu tố ảnh hưởng khác: Hiện nay, công tác bàn giao giữa doanh nghiệp cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Cà phê Gia Lai và Công ty Cổ Phần Cà Phê Gia Lai chưa được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Ảnh hưởng trực tiếp đến việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh, công tác quản lý điều hành của công ty.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Sau một năm tiếp nhận và điều hành Ban Tổng giám đốc đã mạnh dạn đầu tư trồng chuối, chanh leo thay thế những diện tích cà phê già cỗi không hiệu quả nhằm mang lại thu nhập cao cho người lao động và công ty. Với tinh thần dám nghĩ, dám làm của ban giám đốc đã được người lao động đồng tình ủng hộ, nhất trí cao.

#### 2. Tình hình tài chính

##### a) Tình hình tài sản

Chỉ tiêu	Từ 13/09/2018 đến 31/12/2018	Năm 2019	Ghi chú
<b>1. Tài sản ngắn hạn</b>	<b>97.238.519.066</b>	<b>34.528.450.509</b>	
Tiền và các khoản tương đương tiền	11.650.358.373	916.827.367	
Các khoản phải thu ngắn hạn	64.011.427.649	27.108.988.609	
Hàng tồn kho	19.690.894.926	4.482.685.721	
Tài sản ngắn hạn khác	1.885.838.118	2.019.948.812	
<b>2. Tài sản dài hạn</b>	<b>163.288.603.674</b>	<b>178.188.450.148</b>	
Tài sản cố định	155.790.828.132	155.312.584.827	
Tài sản dở dang dài hạn	3.395.193.399	19.372.789.624	

Tài sản dài hạn khác	4.102.582.143	3.503.075.697	
<b>Tổng cộng tài sản</b>	<b>260.527.122.740</b>	<b>212.716.900.657</b>	

- Tài sản ngắn hạn giảm là do trong năm 2019 công ty đã chi trả chế độ dôi dư cho người lao động và chi đầu tư cho dự án chanh, chuối, Công nợ phải thu giảm và hàng tồn kho giảm do trong năm 2019 công ty tạm dừng kinh doanh cà phê.

- Tài sản dài hạn tăng là do trong năm 2019 công ty đầu tư XD CB dự án chanh, chuối.

b) Tình hình nợ phải trả

Chỉ tiêu	Từ 13/09/2018 đến 31/12/2018	Năm 2019	Ghi chú
Nợ ngắn hạn	112.591.531.356	86.167.024.181	
Nợ dài hạn	0	0	
<b>Tổng nợ phải trả</b>	<b>112.591.531.356</b>	<b>86.167.024.181</b>	

Trong năm 2019 ban Tổng Giám đốc cố gắng huy động mọi nguồn lực để trả nợ ngân hàng, khách hàng dẫn đến nợ phải trả ngắn hạn giảm. Hiện tại nợ phải trả nằm trong tầm kiểm soát và không có nợ quá hạn.

3. *Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:* Thực hiện điều tiết và cơ cấu lại các phòng ban nghiệp vụ nhằm tinh gọn bộ máy quản lý và nâng cao hiệu quả lao động.

4. *Kế hoạch phát triển trong tương lai:* Phát triển quy mô hoạt động sản xuất kinh doanh tăng dần theo các năm sau.

5. *Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán:*

Công ty giải trình các ý kiến kiểm toán ngoại trừ về Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến ngày 31/12/2019” của Công ty cụ thể như sau:

- Ý kiến thứ nhất, liên quan đến công tác bàn giao tài sản giữa Công ty Cổ phần với Công ty TNHH Nhà nước một thành viên, Công ty chưa có Biên bản bàn giao tài sản tại ngày 13/09/2018. Và cho đến thời điểm hiện nay, Công ty vẫn đang tiếp tục thực hiện và phối hợp với Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai để hoàn tất công việc này, nhưng tiến độ hơi chậm. Trong thời gian tới, Công ty sẽ khẩn trương hoàn tất công việc này để Công ty có cơ sở để quản lý tài sản và ổn định tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Ý kiến thứ hai, tại thời điểm 13/09/2018, Nhà nước đã thoái vốn vượt quá số Nhà nước là 24.305.036.499 đồng. Nguyên nhân chủ yếu là do khoản lỗ kế toán lũy kế tính đến thời điểm 13/09/2018 (khoản lỗ kế toán này của Công ty TNHH Nhà nước một thành viên phát sinh trước thời điểm cổ phần hóa) Công ty tạm thời ghi nhận sang khoản mục “Phải thu về cổ phần hóa” và

đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai có ý kiến về khoản lỗ này. Số liệu chính thức sẽ tùy thuộc vào Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và các cấp có thẩm quyền.

- Ý kiến thứ ba, liên quan đến xử lý số liệu công nợ, tài sản của Công ty TNHH nhà nước một thành viên khi chưa có Quyết định xử lý của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai, gồm:

+ Công nợ phải thu khó đòi không xác định được tại thời điểm 12/09/2018, số tiền 5.337.464.136 đồng. Theo ý kiến của Công ty, tại thời điểm 12/09/2018, những khoản công nợ trên hiện nay không xác định được đối tượng phải thu, không thể gửi thư xác nhận để đối chiếu công nợ nên Công ty không thể thực hiện công tác thu hồi công nợ. Do đó, Công ty xử lý khoản công nợ trên vào Chi phí quản lý doanh nghiệp giai đoạn trước cổ phần.

+ Giá trị cây bơ, sầu riêng bị chết số tiền: 4.301.764.350 đồng. Theo ý kiến của Công ty, tại thời điểm 12/09/2018, những cây bơ, sầu riêng đã bị chết, không có trong biên bản kiểm kê tài sản. Do đó, Công ty xử lý khoản công nợ trên vào Chi phí khác giai đoạn trước cổ phần.

+ Chi phí tiền lương, tiền xăng xe, điện thoại từ ngày 13/09/2018 đến ngày 13/12/2018 phải trả cho Ban điều hành làm nhiệm vụ bàn giao sang Công ty cổ phần (113.656.787 đồng). Theo ý kiến của Công ty, thì những khoản chi phí này phục vụ cho để hoàn tất công tác cổ phần hóa, do vậy Công ty đang theo dõi trên khoản mục Phải thu về cổ phần hóa.

- Ý kiến thứ bốn, liên quan đến xử lý số tiền thuê đất và phạt chậm nộp tại huyện Ia Grai và huyện Chư Sê chưa được ghi nhận đầy đủ vào chi phí hoạt động của Công ty, cụ thể:

+ Giai đoạn Doanh nghiệp Nhà nước là 7.731.014.367 đồng (tiền thuê đất) và 488.910.250 đồng (phạt chậm nộp).

+ Giai đoạn Công ty cổ phần là 307.997.953 đồng (tiền thuê đất) và 65.308.458 đồng (phạt chậm nộp).

Đây là khoản tiền thuê đất phát sinh trong giai đoạn doanh nghiệp Nhà nước, không nằm trong phương án cổ phần hóa, không nằm trong hồ sơ xác định giá trị doanh nghiệp. Mặt khác, việc Chi cục Thuế tính tiền thuê đất trên cả phần diện tích đất đã được UBND tỉnh giao về cho địa phương quản lý là không phù hợp. Vấn đề này công ty đã làm văn bản gửi UBND tỉnh và các ban/ngành liên quan của tỉnh ra quyết định xử lý rút đi.

Những vấn đề trên, Công ty đã có công văn gửi Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai để thông nhất cũng như có quyết định chính thức về khoản xử lý trên. Do vậy, Công ty cũng đang chờ quyết định cuối cùng của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai và các cấp có thẩm quyền.

#### 6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)

+ Các chỉ số về môi trường đều nằm trong giới hạn cho phép

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

+ Đảm bảo an toàn trong lao động sản xuất

+ Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức đến toàn thể cán bộ, công nhân viên công ty, sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả bảo vệ môi trường.



c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Hàng năm công ty đã ủng hộ cho công tác làm mới, sửa chữa đường, trường trạm nhằm tạo môi trường sinh hoạt sạch đẹp.

**IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty**

*1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội*

Trong năm 2019 Hội đồng quản trị đã cùng Ban Tổng giám đốc tích cực triển khai thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Nghị quyết của HĐQT bằng các giải pháp trọng tâm, thực hiện mục tiêu, giải pháp để nâng cao hiệu quả hoạt động của công ty, tăng cường công tác quản lý, siết chặt kỷ luật lao động.

Năm 2019, HĐQT tập trung nâng cao chất lượng vườn cây cà phê, sử dụng phân bón và thuốc trừ sâu đúng quy trình, quy định sản xuất.

*2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám đốc công ty*

- HĐQT đã thường xuyên chỉ đạo Ban tổng giám đốc trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh, và đầu tư; giải quyết kịp thời các công việc phát sinh, đồng thời thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc thực hiện chức năng nhiệm vụ của Ban tổng giám đốc.

- Hội đồng quản trị đã phân công nhiệm vụ đối với từng thành viên và hoạt động dưới sự chỉ đạo của Chủ tịch HĐQT công ty. Trên cơ sở mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Hội đồng quản trị xác định các mục tiêu, phương hướng hoạt động cụ thể, định kỳ tổ chức họp đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh tại công ty.

- Tập trung rà soát quy trình nghiệp vụ đang thực hiện trong toàn công ty, từ đó cập nhật, sửa đổi nhằm thống nhất và phối hợp hoạt động giữa các bộ phận.

*3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

1. Tiếp tục chỉ đạo, nâng cao năng lực cạnh tranh và hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty

2. Giám sát chặt chẽ và chỉ đạo kịp thời các hoạt động của Ban Tổng giám đốc.

3. Mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo hướng đa dạng hóa sản phẩm.

4. Tăng cường công tác kiểm soát rủi ro, quản trị công ty, thường xuyên cập nhật số liệu sản xuất, kinh doanh một cách kịp thời nhằm tiết kiệm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm đồng thời hỗ trợ Ban Tổng giám đốc ra Quyết định sản xuất hàng ngày.

**V. Quản trị công ty**

*1. Hội đồng quản trị.*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Tt	Họ tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Trịnh Đình Trường	Chủ tịch HĐQT	738.505	5,03	

2	Trịnh Quang Hưng	Thành viên HĐQT	2.377.702	16,20	
3	Nguyễn Thị Phương	Thành viên HĐQT	0	0	
4	Phạm Khắc Tuấn	Thành viên HĐQT	0	0	
5	Phạm Văn Cường	Thành viên HĐQT	0	0	
6	Trịnh Văn Công	Thành viên HĐQT	0	0	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Không có

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị hoạt động tập thể để bàn bạc thống nhất và quyết định các vấn đề đúng theo Điều lệ công ty và Luật doanh nghiệp

Trong năm 2019, hội đồng quản trị đã tiến hành 13 cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp:

Stt	Số nghị quyết	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-FGL-HĐQT	03/01/2019	V/v Lựa chọn đơn vị Kiểm toán các Báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai
2	02/NQ-FGL-HĐQT	19/02/2019	V/v Miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Cà Phê Gia Lai
3	03/NQ-FGL-HĐQT	28/02/2019	V/v Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019
4	04/NQ-FGL-HĐQT	28/02/2019	V/v Triệu tập họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2019
5	05/NQ-FGL-ĐHĐCĐ	11/04/2019	Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019
6	06/2019/NQ-FGL-HĐQT	16/05/2019	V/v Thông qua phương án sử dụng vốn chi tiết thu được từ đợt chào bán chứng khoán ra công chúng theo nội dung nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2019 số 05/NQ-FGL-ĐHĐCĐ ngày 11/04/2019.
7	07/NQ-FGL-HĐQT	16/05/2019	V/v Vay vốn để mua xe ô tô phục vụ sản xuất – kinh doanh
8	08/NQ-FGL-HĐQT	05/06/2019	V/v thông qua việc triển khai và hồ sơ đăng ký chào bán cổ phần ra công chúng.

9	09/NQ-FGL-HĐQT	06/06/2019	V/v thông qua việc thay đổi giao dịch cổ phiếu
10	10/NQ-FGL-HĐQT	10/7/2019	V/v Vay vốn hoạt động sản xuất kinh doanh tại ngân hàng BIDV
11	11/NQ-FGL-HĐQT	25/7/2019	V/v Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính 6 tháng và Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty Cổ phần Cà phê Gia Lai
12	12/NQ-FGL-HĐQT	16/8/2019	V/v Thay đổi người điều hành Công ty Cổ Phần Cà Phê Gia Lai
13	13/NQ-FGL-HĐQT	11/12/2019	V/v Miễn nhiệm chức danh thành viên HĐQT và thụ ký HĐQT công ty Cổ Phần Cà phê Gia Lai

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập: Không có

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

Tt	Họ tên	Chức danh	Chứng chỉ đào tạo	Ghi chú
1	Trịnh Đình Trường	Chủ tịch HĐQT	Cử nhân kinh tế - QTKD	
2	Trịnh Quang Hưng	Thành viên HĐQT	Kỹ thuật xây dựng	
3	Nguyễn Thị Phương	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế - KTTC	
4	Phạm Khắc Tuấn	Thành viên HĐQT	Thạc sỹ KHKT – Cử nhân kinh tế	
5	Phạm Văn Cường	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế	
6	Trịnh Văn Công	Thành viên HĐQT	Cử nhân kinh tế	

## 2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát.

Stt	Họ tên	Chức danh	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ %	Ghi chú
1	Tôn Nữ Thị Thu	Trưởng ban kiểm soát	0	0	
2	Dương Thùy Phương Lan	Thành viên	243.100	1,66	
3	Lê Thị Vinh	Thành viên	0	0	

b) Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát trong năm 2019 gồm 03 thành viên, tuy nhiên đến ngày 10/12/2019 Bà Tôn Nữ Thị Thu (Trưởng Ban kiểm soát) và Bà Dương Thùy Phương Lan (Thành viên) đã có đơn xin từ nhiệm.

Ban kiểm soát đã thực hiện việc giám sát các hoạt động quản lý điều hành Công ty, việc tuân thủ các quy định của pháp luật, Luật doanh nghiệp, Điều lệ, Quy chế quản trị công ty đối với Hội đồng quản trị, Ban điều hành và người quản lý khác trong hệ thống quản lý điều hành Công ty.

Tham gia tổ chức thành công ĐHĐCĐ thường niên năm 2019, Giám sát việc triển khai thực hiện các Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2019, việc ban hành các nghị quyết, quyết định của HĐQT và Ban điều hành.

Tham dự các phiên họp của HĐQT, tham gia ý kiến về các nội dung được thảo luận trong phiên họp.

Thẩm định Báo cáo tài chính đã được kiểm toán, tình hình kinh doanh, sổ sách kế toán và các tài liệu khác của Công ty nhằm đánh giá tính trung thực, hợp lý của số liệu tài chính.

Xem xét việc tuân thủ, chấp hành các quy định về đảm bảo an toàn trong kinh doanh, phân tích các kế hoạch và rủi ro tiềm ẩn trong môi trường kinh doanh. Kiểm soát việc tuân thủ, chấp hành các quy định về công bố thông tin của Công ty theo các quy định của pháp luật.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

+ Lương Ban kiểm soát, Tổng giám đốc và cán bộ quản lý:

Stt	Họ tên	Chức danh	Thực hiện năm 2019	Ghi chú
1	Trịnh Quang Hưng	Tổng giám đốc	649.914.200	
2	Nguyễn Thị Phương	Phó tổng giám đốc	308.326.400	
3	Phạm Khắc Tuấn	Phó tổng giám đốc	37.649.850	
4	Nguyễn Văn Quân	Kế toán trưởng	157.660.000	
5	Nguyễn Đăng Văn	Trưởng phòng HC - NS	222.064.000	
6	Trịnh Văn Công	Trưởng phòng KH - KD	63.760.000	Bãi nhiệm 9/2019
7	Phạm Anh Vũ	Trưởng phòng KH - KD	26.500.000	Bỏ nhiệm 10/2019
8	Tôn Nữ Thị Thu	Trưởng Ban Kiểm soát	274.927.000	

9	Dương Thùy Phương Lan	Thành viên	92.750.000	
10	Lê Thị Vinh	Thành viên	0	
<b>Tổng cộng</b>			<b>1.833.551.450</b>	

+ Thù lao HĐQT, Ban kiểm soát

STT	Họ tên	Chức danh	Thực hiện năm 2019	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Hội đồng quản trị</b>		<b>190.500.000</b>	
1	Trịnh Đình Trường	Chủ tịch HĐQT	60.000.000	
2	Trịnh Quang Hưng	Thành viên	36.000.000	
3	Phạm Văn Cường	Thành viên	36.000.000	
4	Nguyễn Thị Phương	Thành viên	33.000.000	
5	Trịnh Văn Công	Thành viên	25.500.000	
<b>II</b>	<b>Ban Kiểm soát</b>		<b>79.000.000</b>	
1	Tôn Nữ Thị Thu	Trưởng BKS	33.000.000	
2	Dương Thùy Phương Lan	Thành viên	22.000.000	
3	Lê Thị Vinh	Thành viên	24.000.000	
<b>Tổng cộng</b>			<b>269.500.000</b>	

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Không có

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

d) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Công ty thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về quản trị công ty.

#### VI. Báo cáo tài chính:

+ Số liệu báo cáo trên đã được kiểm toán bởi công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt. Số liệu kỳ trước trên báo cáo là số liệu của kỳ kế toán từ ngày 13/09/2018 đến 31/12/2018 chỉ có tính chất tham khảo, không thể so sánh được vì có sự khác biệt về thời gian so sánh.

+ Báo cáo tài chính tổng hợp đã được kiểm toán đính kèm theo báo cáo này.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



20

CHỦ TỊCH HĐQT  
*Trịnh Đình Trường*